

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý một số dịch vụ sự nghiệp công
và dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3043./TTr-SXD ngày 24 tháng 9 năm 2020 về việc ban hành Quy định quản lý một số dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý một số dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2020 và thay thế Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T.Đ.*

Nơi nhận: *lg*

- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND&UBND tỉnh.

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng



QUY ĐỊNH
Quản lý một số dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 50 /2020/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý một số dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích (sau đây gọi chung là dịch vụ công) sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện), UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã), các chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có các hoạt động liên quan đến thực hiện một số dịch vụ công được quy định tại Điều 2 của Quy định này sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Danh mục dịch vụ công

1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công

- a) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;
- b) Xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
- c) Duy trì cây xanh đô thị;
- d) Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn trang trí và đèn tín hiệu giao thông đô thị.

2. Danh mục dịch vụ công ích: Duy trì hệ thống thoát nước đô thị.

Điều 3. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán

1. Phương pháp lập dự toán thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 1, Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị và các văn bản có liên quan khác.

2. Khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công được xác định theo kế hoạch thực hiện do UBND cấp huyện phê duyệt đối với cấp huyện; đối với các sở, ban, ngành tỉnh được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ đầu tư, tiến hành lập và phê duyệt kế hoạch làm cơ sở lập dự toán chi phí dịch vụ công.

3. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công

a) Đối với dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố giá trị từ 15,0 tỷ đồng trở lên hoặc các sở, ban, ngành tỉnh được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư:

Chủ đầu tư lập dự toán dịch vụ công trên địa bàn trình Sở Xây dựng thẩm định trước ngày 01 tháng 9 hàng năm;

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Xây dựng, chủ đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán dịch vụ công.

b) Đối với dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố giá trị dưới 15,0 tỷ đồng:

Chủ đầu tư lập dự toán dịch vụ công trên địa bàn trình Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) thẩm định trước ngày 01 tháng 9 hàng năm;

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, chủ đầu tư trình UBND cấp huyện phê duyệt dự toán dịch vụ công.

4. Thời gian thẩm định và phê duyệt

a) Thời gian thẩm định dự toán không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

b) Thời gian phê duyệt dự toán không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 4. Điều kiện, căn cứ đặt hàng cung cấp dịch vụ công

1. Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này

a) Điều kiện đặt hàng: thỏa mãn các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (gọi tắt là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) hoặc gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

b) Căn cứ đặt hàng: thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Đối với dịch vụ công ích được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này

a) Điều kiện đặt hàng: thỏa mãn các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP hoặc gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

b) Căn cứ đặt hàng: thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 5. Quy định về đấu thầu cung cấp dịch vụ công

1. Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Đối với dịch vụ công ích được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định phương thức đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công

1. UBND tỉnh, UBND cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đặt hàng đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng dịch vụ công ích hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định từ nguồn ngân sách địa phương.

2. Trường hợp đặt hàng đối với dịch vụ công có tính đặc thù từ nguồn ngân sách trung ương (nếu có), thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Thẩm quyền thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Sở Tài chính thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định đối với dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố hoặc các sở, ban, ngành tỉnh được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định đối với dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố thuộc thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Chủ tịch UBND cấp huyện;

c) Các sở, ban, ngành tỉnh thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định đối với dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư giá trị dưới 500 triệu đồng.

2. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định đối với dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành tỉnh được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư thuộc thẩm quyền mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của UBND tỉnh có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên;

b) Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định đối với dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố giá trị dưới 500 triệu đồng (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này);

c) Các sở, ban, ngành tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định đối với dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư giá trị dưới 500 triệu đồng (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

Điều 8. Tổ chức thực hiện dịch vụ công

1. Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán, đối với các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành tỉnh sử dụng nguồn ngân sách tỉnh, chủ đầu tư trình Sở Tài chính tham

muu, trình UBND tỉnh giao dự toán để triển khai thực hiện; đối với việc sử dụng nguồn ngân sách huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tham mưu, trình UBND cấp huyện giao dự toán để triển khai thực hiện.

2. Sau khi có quyết định giao dự toán thực hiện cung ứng dịch vụ công, UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ liên quan tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ công theo quy định hiện hành.

3. Công tác nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ công được tổ chức định kỳ theo quy định, hoặc đột xuất theo hợp đồng đã được ký kết. Không được nghiệm thu không khối lượng, nghiệm thu đảm bảo đúng thực tế, đúng thời điểm, kịp thời và đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Việc tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng cung ứng dịch vụ công thực hiện theo hợp đồng đã được ký kết và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 9. Xử lý các trường hợp phát sinh khối lượng thực hiện dịch vụ công

1. Đối với dự toán chi phí dịch vụ công trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố giá trị từ 15,0 tỷ đồng trở lên hoặc các sở, ban, ngành tỉnh được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư sử dụng ngân sách do UBND tỉnh cân đối thì chủ đầu tư lập dự toán, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 của Quy định này và tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công theo quy định để triển khai thực hiện.

2. Đối với dự toán chi phí dịch vụ công trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố giá trị dưới 15,0 tỷ đồng thì UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Quy định này và tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công theo quy định để triển khai thực hiện.

3. Thời gian lập, trình thẩm định, phê duyệt dự toán thực hiện tại thời điểm phát sinh khối lượng, công việc.

Chương II TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý và thực hiện dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn chủ đầu tư, các cơ quan được giao quản lý vốn ngân sách cho công tác dịch vụ công trong việc quản lý chi phí dịch vụ công.

3. Hướng dẫn việc áp dụng, vận dụng các định mức, đơn giá dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lập, trình UBND tỉnh ban hành sau khi có ý kiến thống nhất Bộ Xây dựng đối với những công tác chưa có trong hệ thống định mức được Bộ Xây dựng ban hành hoặc đã có trong hệ thống định mức được Bộ Xây dựng ban hành nhưng không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công của công trình.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lập, trình UBND tỉnh ban hành đơn giá dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công theo điểm a khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức ký hợp đồng và thực hiện dịch vụ công do UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn ngân sách đúng quy định, đạt hiệu quả.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp Sở Xây dựng trong việc hướng dẫn chế độ chính sách thuộc lĩnh vực dịch vụ công và tham mưu xây dựng những định mức.

2. Tham mưu UBND tỉnh giao dự toán thực hiện dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dịch vụ công theo điểm a khoản 1 Điều 7 của Quyết định này.

4. Phê duyệt quyết toán thực hiện **dịch vụ công** theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư

1. Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý.

2. Lập dự toán và đề xuất phương thức thực hiện dịch vụ công phù hợp theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy định này trình cơ quan quản lý nhà nước thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

3. Chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dịch vụ công theo điểm c khoản 1 Điều 7 của Quyết định này.

4. Tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ công theo quy định sau khi cấp có thẩm quyền giao dự toán cung ứng dịch vụ công.

5. Thỏa thuận kế hoạch thực hiện dịch vụ công với đơn vị cung ứng dịch vụ công trước khi triển khai để làm cơ sở quản lý, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm.

6. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng cả về quy trình, khối lượng, thời gian và chất lượng đối với các dịch vụ công do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Trình cấp có thẩm quyền giao dự toán thực hiện dịch vụ công có sử dụng nguồn ngân sách tỉnh trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Phê duyệt quyết toán thực hiện dịch vụ công theo quy định.

3. Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện dịch vụ công trên địa bàn quản lý.

4. Giao phòng, ban chuyên môn (hoặc UBND xã đối với dịch vụ công liên quan chất thải rắn sinh hoạt) làm chủ đầu tư tổ chức lập dự toán, đề xuất phương thức thực hiện dịch vụ công phù hợp theo quy định và trình cơ quan quản lý nhà nước thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 3 của Quy định này và giao dự toán thực hiện theo quy định.

5. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ công trên địa bàn quản lý theo quy định điểm b khoản 3 Điều 3 và điểm b khoản 1 Điều 7 của Quy định này và tham mưu UBND cấp huyện giao dự toán thực hiện dịch vụ công trên địa bàn quản lý theo quy định.

6. Tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng thực hiện dịch vụ công với đơn vị cung ứng dịch vụ công theo quy định sau khi cấp có thẩm quyền giao dự toán cung ứng dịch vụ công.

7. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng cả về quy trình, khối lượng, thời gian và chất lượng đối với dịch vụ công do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn được giao quản lý.

8. Thỏa thuận kế hoạch thực hiện dịch vụ công với đơn vị cung ứng dịch vụ công trước khi triển khai để làm cơ sở quản lý, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm.

9. Tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về chấp hành và thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, các quy định của địa phương về vệ sinh môi trường đô thị.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền sâu, rộng và thường xuyên về công tác vệ sinh môi trường đô thị để xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp và văn minh. Chỉ đạo các ấp, khu phố đưa nội dung chấp hành quy định về vệ sinh môi trường đô thị vào các cuộc họp thường xuyên của ấp, khu phố.

2. Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ công để thống nhất quy định thời gian, địa điểm đổ rác, dụng cụ đựng rác thải sinh hoạt trên địa bàn, đảm bảo vệ sinh và mỹ quan đô thị.

3. Thỏa thuận kế hoạch thực hiện dịch vụ công với đơn vị cung ứng dịch vụ công trước khi triển khai để làm cơ sở quản lý, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm.

4. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn.

5. Phản ánh, báo cáo UBND cấp huyện những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dịch vụ công trên địa bàn.

6. Tham gia công tác nghiệm thu dịch vụ công trên địa bàn khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị cung ứng dịch vụ công

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ công theo đúng hợp đồng đã ký kết, đảm bảo quy trình kỹ thuật và chất lượng theo quy định.

2. Lập kế hoạch thực hiện dịch vụ công và thỏa thuận với UBND cấp huyện hoặc các đơn vị được giao làm chủ đầu tư trước khi triển khai.

3. Lập sổ nhật ký theo dõi thực hiện dịch vụ công hàng tháng, quý, năm làm cơ sở kiểm tra, giám sát và nghiệm thu.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông trong quá trình thực hiện dịch vụ công.

5. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý đô thị, giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà nước trong quá trình cung ứng dịch vụ công.

6. Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng thuộc UBND cấp huyện trong quá trình thực hiện cung ứng dịch vụ công. Phản ánh kịp thời với các cơ quan chức năng thuộc UBND cấp huyện, Sở Xây dựng những tồn tại khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ công trên địa bàn.

7. Đối với các gói thầu thực hiện cung cấp dịch vụ công quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 của Quy định này phải đảm bảo các điều kiện theo quy định Điều 18 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Khoản 6 và Khoản 9 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thông nhất với chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn) để quy định cụ thể về vị trí, địa điểm, thời gian thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung liên quan đến thực hiện dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định. *md*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *g*

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng